

DANH SÁCH 62 HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN THU HỒI ĐẤT

Thực hiện dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật đấu giá quyền sử dụng đất ở khu Đồng Thọ, thôn Bái Xuyên, xã Đại Xuyên, thành phố Hà Nội.

(Kèm theo tờ trình số /TTr-KT ngày / /2026 của UBND xã Đại Xuyên)

STT	Số phương án	Họ và tên chủ, người đại diện sử dụng đất, tài sản	Tờ bản đồ số	Thửa thu hồi	Diện tích đất thu hồi tại dự án (m ²)	Loại đất	Tổng diện tích đang sử dụng (m ²)
	(1)	(2)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	4	Bùi Ngọc Mai	1	4+5	332,1	LUC	1.917,0
2	5	Bùi Thị Bích (đã chết)	1	6	180,0	LUC	1.473,0
3	8	Bùi Thị Tốt	1	9	225,0	LUC	2.031,0
4	21	Bùi Duy Phong	1	24	270,8	LUC	2.250,0
5	22	Bùi Thị Nga	1	25	216,0	LUC	1.152,0
6	27	Bùi Văn Quân	1	30	285,0	LUC	1.180,0
7	62	Bùi Văn Duyên (đã chết)	1	67	180,0	LUC	1.566,0
8	3	Bùi Văn Vinh	1	3	360,0	LUC	2.815,0
9	18	Nguyễn Văn Miên	1	19	214,5	LUC	2.158,4
10	25	Nguyễn Thị Dược	1	28	126,0	LUC	1.750,0
11	40	Bùi Ngọc Vãn	1	44	119,0	LUC	893,0
12	43	Phạm Văn Dũng	1	47	172,0	LUC	2.206,0
13	33	Hộ Bà Nguyễn Thị Tân	1	37	252,0	LUC	748,0
14	35	Hộ ông Bùi Văn Toàn	1	39+59	324,0	LUC	705,0
15	53	Hộ ông Nguyễn Quang Lân	1	57	166,0	LUC	346,0
16	61	Nguyễn Văn Sang	1	66	180,0	LUC	1.746,0
17	64	Bùi Quang Hải	1	70	108,0	LUC	1.073,0
18	34	Bùi Thị Khu	1	38	144,0	LUC	1.515,0
19	51	Bùi Văn Liên	1	55	137,0	LUC	1.430,0
20	60	Nguyễn Văn Thịnh	1	65	231,0	LUC	1.203,0
21	1	Hộ ông Nguyễn Văn Hoan	1	1	155,6	LUC	396,0
22	2	Hộ ông Bùi Văn Lẫy	1	2	396,0	LUC	396,0
23	6	Lê Văn Đạt	1	7	108,0	LUC	2.027,0
24	7	Trần Đức Hùng	1	8	147,4	LUC	1.072,0
25	9	Bùi Đức Linh	1	10	146,3	LUC	1.627,2
26	10	Phạm Văn Chuyển	1	11	174,7	LUC	2.522,0
27	11	Nguyễn Văn Quát	1	12	120,0	LUC	1.174,0
28	12	Phạm Khắc Tiếp	1	13	199,2	LUC	493,0
29	13	Hộ bà Bùi Thị Hà	1	14	396,0	LUC	396,0
30	14	Bùi Thanh Liêm	1	15	144,0	LUC	1.468,8
31	15	Bùi Ngọc Chi	1	16	396,0	LUC	1.116,0
32	16	Trần Thị Nhị	1	17	144,0	LUC	1.670,0
33	17	Bùi Thị Mây	1	18	168,0	LUC	1.260,0
34	19	Bùi Đức Vương	1	20	265,0	LUC	1.509,0
			1	21	250,0	LUC	
35	20	Hộ ông Bùi Văn Tuân	1	22	133,0	LUC	896,0
			1	23	216,0	LUC	
36	23	Nguyễn Văn Điệp	1	26	162,0	LUC	1.692,0
37	24	Nguyễn Văn Tín	1	27	130,0	LUC	2.210,0
38	26	Bùi Văn Hưng	1	29	126,0	LUC	1.526,0
39	28	Bùi Quang Vãn	1	31	216,0	LUC	1.379,0
40	29	Nguyễn Văn Ba	1	32	198,0	LUC	1.691,0
41	30	Hộ ông Vũ Văn Hậu	1	33	134,0	LUC	360,0
			1	34	226,0	LUC	
42	31	Nguyễn Thế Hanh	1	35	147,0	LUC	1.281,0
43	32	Trịnh Thị Xuân	1	36	129,6	LUC	1.242,0
44	36	Bùi Văn Bắc	1	40	317,0	LUC	1.817,0
45	37	Bùi Văn Minh	1	41	360,0	LUC	972,0
46	38	Bà Nguyễn Thị Bích Hợp	1	42	175,0	LUC	175,0
47	39	Bùi Văn Hoàn	1	43	119,0	LUC	817,0
48	41	Bùi Văn Dũng	1	45	144,0	LUC	1.015,0
49	42	Bùi Văn Hoà	1	46	535,0	LUC	1.505,0
			1	68	250,0	LUC	
50	44	Bùi Văn Ước	1	48	202,0	LUC	1.519,0
51	45	Bùi Văn Thân	1	49	493,0	LUC	2.727,0
52	46	Nguyễn Thị Quế	1	50	137,0	LUC	1.397,0
53	47	Nguyễn Thị Thuận	1	51	216,0	LUC	1.415,0
54	48	Bùi Tuấn Kim	1	52	365,0	LUC	1.242,0
55	50	Bùi Văn Thu	1	54	231,0	LUC	1.646,0
			1	64	144,0	LUC	
56	52	Hộ ông Bùi Văn Thanh	1	56	236,0	LUC	236,0
57	56	Bùi Văn Am	1	60	326,0	LUC	1.680,0
58	57	Bùi Văn Chuốt	1	61	155,0	LUC	774,0
59	58	Bùi Văn Lai	1	62	144,0	LUC	2.174,0
60	59	Phạm Văn Chức	1	63	134,0	LUC	2.110,0
61	63	Bùi Thị Tươi	1	69	342,0	LUC	1.673,0
62	65	Vũ Đình Hưng	1	71	108,0	LUC	684,0
TỔNG					14383,2		